

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tiến lên ngưỡng 1,340 trong ngày hôm nay, tuy nhiên tương tự hôm qua, áp lực bán tại đây một lần nữa ép chỉ số giảm. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,326.09 điểm, giảm gần 6 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Công nghệ thông tin giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính,... Ở chiều ngược lại, ngành Tài nguyên cơ bản tăng tốt. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Dù đã đóng cửa dưới SMA10, nhưng VN-Index vẫn đóng cửa trên SMA20. Thị trường đã trở về ngưỡng quanh 1,325. Trong những phiên tiếp theo, diễn biến của thị trường phụ thuộc vào dòng tiền trong vùng 1,325 – 1,330.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 26/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-5.83** điểm, đóng cửa tại **1326.09** điểm. HNX-Index **-3.23** điểm, đóng cửa tại **241.33** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.56)**, **TCB (+0.18)**, **GAS (+0.18)**, **BSR (+0.16)**, **SJS (+0.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-1.24)**, **CTG (-0.72)**, **VCB (-0.55)**, **LPB (-0.40)**, **MBB (-0.30)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,522** tỷ đồng, giảm **-4.95%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,726 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.86 điểm. Thị trường có **176** mã tăng, **77** mã tham chiếu, **286** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-514.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-309.55 tỷ)**, **TPB (-128.66 tỷ)**, **DBC (-57.98 tỷ)**, **VHM (-51.60 tỷ)**, **HCM (-47.86 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-10.57** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.65%**. Các mã diễn biến tích cực:
HPG (+1.29%) ([Link báo cáo](#))
BSR (+1.03%)
HSG (+0.56%) ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.47%**. Các mã diễn biến tích cực:
TCH (+2.25%) ([Link báo cáo](#))
PVT (+2.00%)
HAH (+1.16%) ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.65%	-0.47%	-0.44%	-0.53%
1 tuần	0.19%	-0.25%	0.11%	0.28%
1 tháng	-0.60%	-0.55%	1.65%	1.24%
3 tháng	-1.16%	2.97%	4.18%	2.89%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,326.09	241.33	98.85
% 1D	-0.44%	-1.32%	-0.32%
GTGD (tỷ VND)	16,522	953	485
%1D	-4.95%	5.70%	-14.85%
GDNN (tỷ VND)	-514.82	-10.57	-12.30

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	162.54	FPT	-309.55
STB	55.60	TPB	-128.66
BID	48.70	DBC	-57.98
GVR	28.14	VHM	-51.60
VPB	18.43	HCM	-47.86

Thị trường thế giới

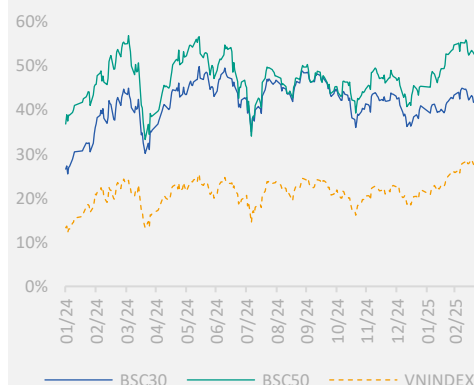
		%D	%W
SPX	5,777	0.16%	2.89%
FTSE100	8,662	-0.02%	-0.51%
Eurostoxx	5,435	-0.53%	-1.07%
Shanghai	3,369	-0.04%	-1.68%
Nikkei	38,057	0.73%	0.81%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.38	1.18%
Giá vàng	3,018	-1.19%
Tỷ giá		
USD/VND	25,780	-0.12%
EUR/VND	28,390	-0.14%
JPY/VND	174	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	0.00%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

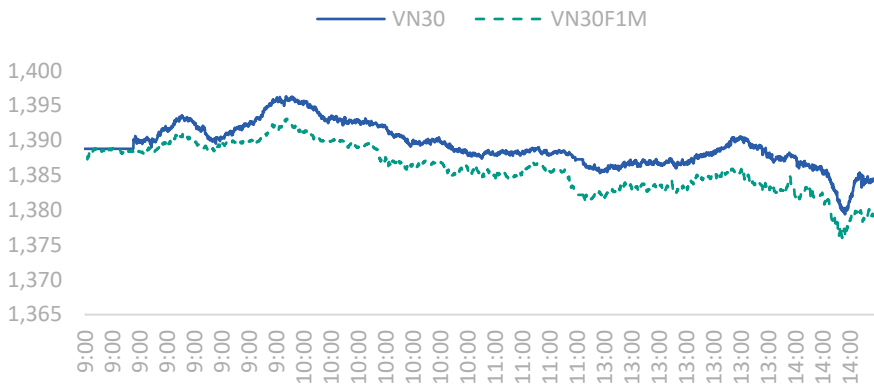
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1375.10	-0.44%	73	-1%	9/18/2025	176
VN30F2504	1376.90	-0.71%	209,392	28%	4/17/2025	22
VN30F2505	1378.00	-0.58%	458	-29%	5/15/2025	50
VN30F2506	1376.70	-0.40%	52	-53%	6/19/2025	85

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -7.32 điểm, đóng cửa tại 1381.47 điểm. Biên độ dao động 16.95 điểm. Các cổ phiếu như FPT, LPB, MBB, VPB, ACB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tiếp tục tiếp cận 1,400 trước khi bị lực bán đẩy xuống đóng cửa tại 1,381.47 điểm. NĐT cân nhắc chiến lược Long/Short linh hoạt khi xu hướng giằng co chiếm chủ đạo.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2504. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2504, VN30F2506.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2505	6/30/2025	96	50,100	-84.08%	2.10	980	21.0%	17.28	3.08	19.35	19.35
CHPG2502	9/26/2025	184	255,100	-75.43%	2.75	1,340	18.6%	8.29	6.77	27.55	27.55
CHPG2507	6/30/2025	96	224,300	-84.97%	2.96	590	18.0%	12.31	4.14	27.55	27.55
CHPG2407	4/28/2025	33	2,342,600	-81.85%	2.60	600	17.6%	6.24	5.00	27.55	27.55
CFPT2402	7/28/2025	124	20,600	-75.89%	13.41	4,090	16.9%	27.64	29.65	123.00	123.00
CHPG2412	6/30/2025	96	584,300	-84.42%	3.13	290	16.0%	6.11	4.29	27.55	27.55
CHPG2503	5/26/2025	61	577,800	-82.14%	2.70	1,110	12.1%	12.44	4.92	27.55	27.55
CHPG2402	5/21/2025	56	862,700	-83.83%	2.82	600	11.1%	9.08	4.45	27.55	27.55
CVJC2501	6/30/2025	96	14,400	-85.93%	10.61	500	11.1%	14.37	13.61	96.70	96.70
CHPG2508	10/23/2025	211	18,600	-73.94%	2.70	2,240	8.7%	12.46	7.18	27.55	27.55
CHPG2504	10/27/2025	215	167,800	-77.21%	2.90	1,690	7.6%	12.37	6.28	27.55	27.55
CHPG2506	1/9/2026	289	37,100	-71.32%	2.78	1,280	6.7%	6.22	7.90	27.55	27.55
CHPG2410	8/14/2025	141	800	-75.61%	2.80	980	6.5%	6.20	6.72	27.55	27.55
CHPG2501	6/26/2025	92	2,554,700	-77.89%	2.55	1,180	6.3%	8.34	6.09	27.55	27.55
CSTB2501	6/26/2025	92	10,500	-73.06%	3.35	2,350	5.9%	11.76	10.40	38.60	38.60
CHPG2505	3/26/2026	365	111,500	-71.47%	3.00	2,430	5.7%	12.34	7.86	27.55	27.55
CHPG2406	10/28/2025	216	672,100	-76.04%	2.80	950	5.6%	6.21	6.60	27.55	27.55
CTCB2404	8/14/2025	141	85,100	-66.79%	2.50	1,360	5.4%	5.11	9.30	28.00	28.00
CTCB2504	1/9/2026	289	37,100	-59.32%	2.45	1,490	4.9%	4.27	11.39	28.00	28.00
CSTB2408	4/28/2025	33	862,900	-81.76%	3.60	860	3.6%	8.75	7.04	38.60	38.60

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 26/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2505 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 20.99%. CVIC2501 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.01%.
- CTCB2504, CVHM2503, CFPT2404, CVIC2501, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVRE2504, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

 Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.55	1.29%	1.18
TCB	28.00	0.36%	0.44
MWG	60.80	0.50%	0.34
VRE	19.95	0.76%	0.13
VIC	57.00	0.18%	0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	123.00	-2.77%	-3.05
LPB	33.45	-1.62%	-1.45
MBB	24.00	-0.83%	-0.63
VPB	19.35	-0.77%	-0.61
ACB	26.15	-0.57%	-0.57

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	27.55	1.29%	0.56	6.40
TCB	28.00	0.36%	0.18	7.06
GAS	67.50	0.45%	0.18	2.34
BSR	19.65	1.03%	0.16	3.10
SJS	106.10	4.12%	0.12	0.11

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	191.00	2.69%	0.65	0.20
PTI	24.10	4.33%	0.08	0.12
PVI	66.90	0.75%	0.07	0.23
NTP	67.60	0.75%	0.05	0.14
BCF	42.50	3.66%	0.03	0.03

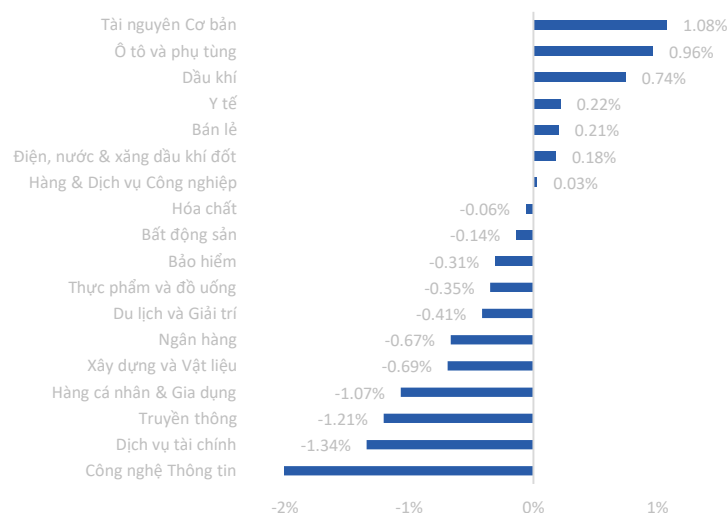
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TLH	5.99	6.96%	0.01	1.12
VPS	9.73	6.92%	0.00	0.01
SMC	6.25	6.84%	0.01	1.86
THG	66.70	6.21%	0.03	0.43
HHS	9.20	4.66%	0.04	3.77

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGT	10.00	7.53%	0.02	0.04
KST	14.00	6.06%	0.02	0.00
NBW	36.00	5.88%	0.08	0.00
KSD	5.60	5.66%	0.01	0.03
VLA	13.50	5.47%	0.01	0.00

Hình 1 Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	123.00	-2.77%	-1.24	1.47
CTG	41.75	-1.30%	-0.72	5.37
VCB	65.80	-0.60%	-0.55	5.59
LPB	33.45	-1.62%	-0.40	2.99
MBB	24.00	-0.83%	-0.30	6.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	32.50	-5.80%	-0.46	0.38
KSF	73.50	-3.03%	-0.43	0.30
MBS	30.40	-2.25%	-0.25	0.57
NVB	11.90	-2.46%	-0.22	1.17
SHS	14.60	-2.67%	-0.20	0.81

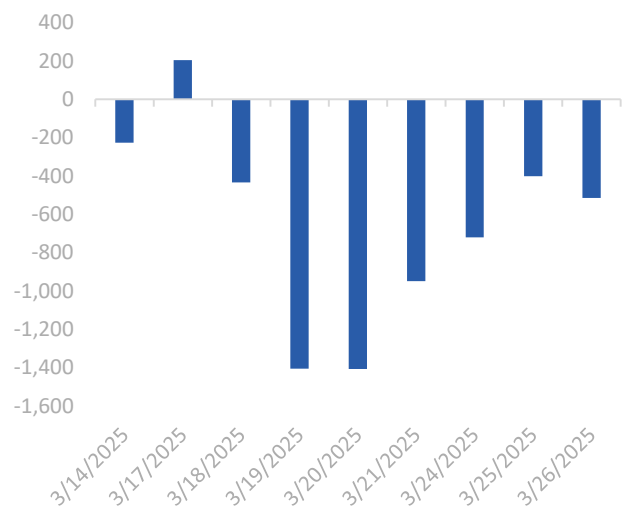
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NVT	7.67	-6.92%	-0.01	0.03
JVC	5.27	-6.89%	-0.01	1.78
PNC	19.00	-6.86%	0.00	0.01
COM	29.60	-6.33%	-0.01	0.00
ORS	10.15	-6.02%	-0.05	10.07

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	45.00	-9.09%	-0.13	0.00
NHC	22.20	-7.88%	-0.02	0.00
ATS	14.00	-7.28%	-0.01	0.00
TV3	12.00	-6.98%	-0.03	0.00
THD	32.50	-5.80%	-2.51	0.99

Hình 2 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	60.8	0.5%	1.5	88,420	193.3	2,544	23.8		45.8%	
KBC	Bất động sản	29.5	-1.3%	1.4	22,913	63.2	555	53.8		19.1%	
KDH	Bất động sản	32.0	-2.3%	1.2	33,115	114.7	863	38.0		35.9%	
PDR	Bất động sản	19.8	-1.5%	2.0	17,550	159.5	643	31.3	23,600	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	51.5	0.0%	1.1	211,532	491.3	7,286	7.1	58,200	12.5%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	123.0	-2.8%	1.0	186,090	1419.3	5,371	23.6	163,000	42.6%	Link
BSR	Dầu khí	19.7	1.0%	0.0	60,305	45.7	204	95.6		0.3%	
PVS	Dầu khí	32.6	0.0%	1.1	15,582	75.7	2,238	14.6	40,300	17.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	31.2	-2.0%	1.3	22,931	537.7	1,571	20.3		43.5%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.5	-1.5%	1.1	52,774	708.1	1,536	17.5		38.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.4	-1.7%	1.4	28,042	297.0	1,537	25.4		29.3%	
DCM	Hóa chất	34.0	-0.2%	1.3	18,026	33.2	2,682	12.7	41,100	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	104.5	0.3%	1.3	39,573	107.7	7,864	13.3	111,400	15.7%	Link
ACB	Ngân hàng	26.2	-0.6%	0.8	117,473	281.9	3,759	7.0		30.0%	
BID	Ngân hàng	39.6	-0.4%	0.8	278,748	103.4	3,570	11.1	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.8	-1.3%	1.1	227,151	259.0	4,720	9.0		26.8%	
HDB	Ngân hàng	22.8	0.0%	1.0	79,513	426.0	3,667	6.2		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.0	-0.8%	1.1	147,675	442.0	3,729	6.5	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.8	-0.8%	1.1	30,940	56.3	2,123	5.6	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.6	-0.1%	1.1	72,864	470.3	5,351	7.2		21.9%	
TCB	Ngân hàng	28.0	0.4%	1.2	197,109	706.3	3,054	9.1	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.5	-2.0%	1.0	39,101	273.0	2,299	6.4	-	27.3%	Link
VCB	Ngân hàng	65.8	-0.6%	0.7	553,147	106.7	4,049	16.4		22.7%	
VIB	Ngân hàng	20.0	-0.5%	1.0	59,732	311.5	2,424	8.3		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.4	-0.8%	1.1	154,712	292.1	1,989	9.8	25,500	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	1.3%	1.3	173,978	1219.8	1,879	14.5	37,500	21.3%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	18.0	0.6%	1.8	11,116	88.3	935	19.2	22,700	7.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.4	-1.7%	1.5	10,007	163.1	2,712	11.0	31,000	4.8%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.3	-0.3%	1.3	98,527	308.9	1,345	50.9		25.3%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.2	-0.3%	0.7	128,323	113.4	4,494	13.7		50.1%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	38.9	-1.15%	1.6	8,613	26.4	2,042	19.2	18.9%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	169.8	-0.12%	0.5	23,161	29.8	2,331	72.9	32.9%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	52.2	-0.38%	0.6	38,898	13.6	2,809	18.7	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	19.7	-2.48%	1.8	12,319	139.3	172	117.3	2.8%	1.4%	
DXG	Bất động sản	16.5	-0.30%	1.8	14,413	140.9	349	47.5	20.4%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	26.4	-1.68%	1.4	4,780	82.3	377	71.1	3.0%	3.1%	
HDG	Bất động sản	27.0	0.19%	1.2	9,047	39.0	1,714	15.7	19.5%	9.4%	
IDC	Bất động sản	53.8	-0.74%	1.1	17,886	46.1	6,050	9.0	20.6%	37.7%	
NLG	Bất động sản	33.9	-1.02%	1.5	13,189	71.5	1,346	25.5	37.9%	5.4%	
SIP	Bất động sản	91.8	0.55%	0.0	19,222	36.8	5,555	16.4	5.9%	29.5%	
SZC	Bất động sản	44.1	-0.68%	1.3	7,991	60.3	1,809	24.6	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	18.2	2.25%	1.5	11,894	151.1	1,466	12.1	8.8%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	57.0	0.18%	1.3	217,566	488.1	3,026	18.8	9.2%	9.3%	
VRE	Bất động sản	20.0	0.76%	1.3	44,992	446.0	1,802	11.0	18.5%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	39.7	-3.29%	1.1	8,674	56.3	1,478	27.8	36.0%	11.4%	
PLX	Dầu khí	41.2	0.49%	0.9	52,031	32.7	2,275	18.0	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	23.0	0.44%	1.2	12,702	92.9	1,255	18.2	8.6%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	49.5	-2.56%	1.7	15,541	167.1	1,869	27.2	29.9%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.4	-2.25%	1.6	17,814	111.6	1,583	19.7	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.5	0.45%	0.5	157,428	37.0	4,439	15.1	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.0	-0.38%	1.1	30,561	145.8	535	24.4	3.7%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.6	0.14%	1.1	34,148	59.3	4,237	17.1	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	96.7	0.00%	0.5	52,374	89.4	2,632	36.7	12.8%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.1	-1.49%	2.0	20,154	240.7	1,910	12.3	7.8%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.7	0.69%	0.8	24,497	36.4	4,628	12.6	41.6%	13.9%	
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.5	1.16%	1.1	6,742	138.7	4,418	11.8	10.5%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	25.5	2.00%	0.9	8,900	49.1	3,071	8.1	11.9%	15.1%	
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	141.0	-0.70%	0.0	17,293	23.8	3,144	45.2	6.7%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	86.6	-1.37%	0.7	29,668	48.6	6,305	13.9	48.4%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	39.8	-0.13%	0.6	4,059	44.9	2,710	14.7	49.8%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.9	0.92%	1.1	2,660	17.7	2,575	8.4	16.1%	17.5%	
DPM	Hóa chất	35.4	0.43%	1.3	13,795	54.5	1,518	23.2	8.9%	5.3%	Link
GVR	Hóa chất	34.5	-0.29%	1.5	138,400	97.3	1,053	32.9	0.7%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	19.5	-2.01%	0.8	37,068	208.5	1,786	11.1	3.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.5	-1.62%	0.5	101,568	89.6	3,254	10.5	0.9%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.8	-1.18%	0.0	23,333	38.3	2,702	6.3	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.3	0.45%	1.1	27,617	382.4	1,287	8.7	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.5	0.00%	1.8	6,937	136.5	1,390	11.2	5.8%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.6	-1.78%	1.5	4,486	11.3	182	92.7	0.5%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	33.2	-0.60%	0.5	7,971	92.0	1,584	21.1	3.6%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.6	0.00%	1.0	63,551	70.6	3,376	14.7	59.8%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	65.4	-1.36%	1.1	14,881	79.4	5,496	12.1	24.9%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	119.1	-0.33%	1.0	9,782	15.2	12,103	9.9	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.5	0.35%	1.2	8,614	81.3	3,734	23.1	49.0%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	101.5	-5.67%	1.1	12,308	99.9	4,705	22.9	7.7%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.2	0.99%	1.8	3,194	39.7	3,545	14.3	6.9%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	0.40%	1.5	5,338	54.3	937	13.2	6.6%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.2	0.65%	1.3	8,226	45.1	1,287	17.9	15.6%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.1	0.48%	1.4	12,541	143.6	1,579	13.3	6.1%	12.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	50.4	-1.95%	1.4	23,045	41.1	2,464	20.9	5.7%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>